

An Dương, ngày 09 tháng 4 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm y tế quận An Dương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư tiêu hao lần 1 năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế quận An Dương

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường Lê Lợi, quận An Dương, TP Hải Phòng.

2. Thông tin của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Ông : Nguyễn Văn Hòa

Chức vụ: Trưởng khoa Dược TTBVTYT

- Điện thoại: 0912624917

Email: huongpham.dkh@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Đề nghị các Công ty /Nhà cung cấp/ Đơn vị quan tâm và có khả năng cung cấp gửi bản giấy báo giá có đóng dấu về Khoa Dược TTBVTYT- Trung tâm y tế quận An Dương. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường Lê Lợi, quận An Dương, TP Hải Phòng và đồng thời gửi file mềm theo địa chỉ Email: huongpham.dkh@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ 14h ngày 09/4/2025 đến trước 14h ngày 21/4/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Hàng hóa yêu cầu báo giá: Xem tại phụ lục I đính kèm.

2. Thời gian dự kiến giao hàng: trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

3. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng.

- Thanh toán bằng phương thức chuyển khoản.



- Bên mua thanh toán cho bên bán 100% giá trị hợp đồng bằng chuyển khoản vào tài khoản do bên bán cung cấp sau khi bên mua nhận được đầy đủ hàng hóa và hóa đơn tài chính hợp lệ của bên bán.

Trân trọng cảm ơn!.

Nơi nhận:

- Như kính gửi.
- Lưu KD, VT.



GIÁM ĐỐC
BSCCKII. *Phạm An Hiện*



PHỤ LỤC I. DANH MỤC YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng
1	Băng keo lụa	- Làm bằng sợi cellulose acetate. - Keo hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc oxide, Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. - Độ nhớt 8.100-12.700 cP - Kích thước 2,5cm x 5m. - Tiêu chuẩn CE .	Cuộn	2.500
2	Bông hút	- 100% bông xơ tự nhiên có tính thấm hút tốt - Được đóng gói kín - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	Kg	200
3	Clip kẹp mạch máu Polymer	- Clip kẹp mạch máu chất liệu polymer, không dẫn điện, dẫn nhiệt và không ảnh hưởng đến CT, MRI và X-quang. Cơ chế kẹp lạnh giúp cầm máu an toàn và gai dọc thân clip với chân bám 360 độ chống trượt. - Kẹp được mạch máu cỡ từ 3mm đến 16 mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	900
4	Dây thở oxy 2 nhánh	- Chất liệu nhựa PVC y tế hoặc tương đương, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2,5$ m - Được tiệt trùng - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	2.000
5	Giấy điện tim 6 cần	- Giấy điện tim 6 cần có dòng kẻ. - Kích thước: chiều rộng 110mm, chiều dài tối thiểu 140mm, tối thiểu 142 tờ/tập. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Tập	320
6	Gạc hút	- Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. - Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố. - Kích thước: khổ ngang ≥ 80cm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Mét	7.000
7	Găng tay khám	- Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có các cỡ. - Thuận cho cả tay trái và tay phải. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Đôi	85.000
8	Dung dịch khử khuẩn tay có cồn	- Thành phần: 75%tt/tt Ethanol 8%tt/tt Isopropyl Alcohol 0,5%tt/tt Chlorhexidine Digluconate. - Hàm lượng phụ gia vừa đủ 100% - Chai ≥ 500mL - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chai	700

9	Ống nghiệm Citrate	- Ống nghiệm nhựa PP, nắp nhựa màu xanh lá - kích thước: chiều rộng 12mm hoặc 13mm, chiều dài tối thiểu 75mm, dung tích tối đa 6 ml. - Bên trong chứa chất kháng đông Trisodium Citrate Dihydrate 3,8%. - Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối thiểu 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng). * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Ống	1.200
10	Ống nghiệm EDTA	- Ống nghiệm nhựa PP, nắp nhựa màu xanh dương - kích thước: chiều rộng 12mm hoặc 13mm, chiều dài tối thiểu 75mm, dung tích tối đa 6 ml. - Bên trong chứa chất kháng đông Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate (EDTA K2). - Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối thiểu 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Ống	70.000
11	Ống nghiệm Heparin	- Ống nghiệm nhựa PP, kích thước chiều rộng 12mm hoặc 13mm, chiều dài tối thiểu 75mm, nắp nhựa màu đen. - Bên trong chứa chất kháng đông Lithium Heparin, có nhãn. - Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối thiểu 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Ống	80.000
12	Que thử đường huyết	- Sử dụng Enzyme Glucose dehydrogenase (FAD-GDH) - Khoảng giá trị đo: 1,1 -33,3 mmol/L (20-600mg/dL). - Đọc kết quả sau tối đa 5s. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Test	600
13	Dung dịch khử khuẩn	- Thành phần: Glutaraldehyde $\geq 2\%$ (w/w). - Dung dịch pha sẵn không cần hoạt hóa, - Thời gian tái sử dụng ≥ 28 ngày - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Quy cách: Can ≥ 5 lít	Can	40



14	Phim khô y tế 8x10 inch (20x25 cm)	- Phim khô laser kích thước 8x10 inch tương thích máy in phim khô laser Konica, Model: Drypro Sigma 2. - Phim khô được xử lý nhiệt. - Thành phần chính gồm: Polyethylene terephthalate: 80-90%, Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer: 1-5%, Docosanoic acid, muối bạc (+1): 1-5%, Cellulose, acetate butanoate: <5%. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tờ	60.000
15	Phim X-Quang nha khoa rửa nhanh	- Kích thước phim: 30,5 x 40,5mm, sử dụng trong nha khoa - Có đính kèm túi thuốc rửa phim trên mỗi phim - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tờ	700
16	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện Polyglactine số 2/0	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện polyglactin 910 số 2/0, sợi dài tối thiểu 75cm, được bọc bởi Polyglactin và Canxi stearate có tác dụng chống xước và mềm, mượt sợi chỉ. Sức căng kéo giảm 50% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn trong 56-70 ngày. 1 kim tròn dài 26mm ($\pm \leq 1$ mm), 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn EC do đơn vị độc lập (là các tổ chức chứng nhận/ kiểm định hợp pháp theo quy định) cấp hoặc tiêu chuẩn FDA.	Sợi	1.200
17	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện Polyglactine số 3/0	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện polyglactin 910 số 3/0, sợi dài tối thiểu 75cm, được bọc bởi Polyglactin và Canxi stearate có tác dụng chống xước và mềm, mượt sợi chỉ. Sức căng kéo giảm 50% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn trong 56-70 ngày. 1 kim tròn dài 26mm ($\pm \leq 1$ mm), 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn EC do đơn vị độc lập (là các tổ chức chứng nhận/ kiểm định hợp pháp theo quy định) cấp hoặc tiêu chuẩn FDA.	Sợi	600
18	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện Polyglactine số 4/0	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện polyglactin 910 số 4/0, sợi dài tối thiểu 75cm, được bọc bởi Polyglactin và Canxi stearate có tác dụng chống xước và mềm, mượt sợi chỉ. Sức căng kéo giảm 50% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn trong 56-70 ngày. 1 kim tròn dài 22mm ($\pm \leq 1$ mm), 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn EC do đơn vị độc lập (là các tổ chức chứng nhận/ kiểm định hợp pháp theo quy định) cấp hoặc tiêu chuẩn FDA.	Sợi	1.200
19	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện Polyglactine số 1	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện polyglactin 910 số 1, sợi dài tối thiểu 90cm, được bọc bởi Polyglactin và Canxi stearate có tác dụng chống xước và mềm, mượt sợi chỉ. Sức căng kéo giảm 50% sau 21 ngày, tiêu hoàn toàn trong 56-70 ngày. 1 kim tròn dài 40mm ($\pm \leq 1$ mm), 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn EC do đơn vị độc lập (là các tổ chức chứng nhận/ kiểm định hợp pháp theo quy định) cấp hoặc tiêu chuẩn FDA.	Sợi	800

